

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 06-8-2020

V/ v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Bà Dương Thị Liên

Bà Nguyễn Thị Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Ánh Vân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐXX-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thanh K, sinh 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm NP, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Triệu Sinh Q, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm NR, xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

3. Người kháng cáo: Anh Triệu Sinh Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Bàn Thanh K trình bày :

Chị K và anh Q tổ chức kết hôn năm 2013 theo tập quán địa phương và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã VC, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng, hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, nguyên nhân là do anh Q chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con, hay đánh đập chị và còn đuổi chị ra khỏi nhà, hiện nay công việc mỗi người một nơi không còn chung sống với nhau, chị K

về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014. Chị nhận nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: chị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Q trình bày như sau: Anh Q công nhận những thông tin về việc kết hôn như chị K trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Q cũng thừa nhận từ 2 năm trước do anh không tu trí làm ăn nên từ năm 2017 anh và chị K đã sống ly thân, đến nay chị K không còn tình cảm với anh nữa, chị K làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị K không về đoàn tụ Tòa án xét xử buộc anh và chị ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 02/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81.82,83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q, do chị K không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. HĐXX không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 anh Triệu Sinh Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh Q trình bày: chị Khiện nay không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình bố mẹ đẻ, điều kiện kinh tế còn phụ thuộc, điều kiện đi lại khó khăn. Anh Q ngoài công việc làm ruộng còn kinh doanh giống cây keo thu nhập trung bình 07 triệu đến 08 triệu/tháng. Cháu B từ nhỏ đến nay ở với anh cùng gia đình bố mẹ đẻ, gần trường học, có điều kiện cho con học tập tốt hơn. Anh Q xin được trực tiếp trông nom chăm sóc con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Chị K xác định hiện nay chị ở chung với bố mẹ đẻ của chị, có chỗ ở ổn định, chị làm ruộng thu nhập mỗi tháng từ 3 triệu đến 4 triệu/1 tháng. Anh Q có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị nhất trí giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh Q và chị K đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của anh Triệu Sinh Q. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bàn Thị K và anh Triệu Sinh Q về việc chăm sóc giáo dục con chung. Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Triệu Sinh Q làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Triệu Sinh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên không kháng cáo nội dung này, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị K và anh Q trong quá trình chung sống có một con chung là Triệu Đức B sinh ngày 23/10/2014. Hiện nay cháu B đang ở cùng anh Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị K và anh Q đã thỏa thuận về việc giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc con chung Triệu Đức B và anh Q không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận trách nhiệm chăm sóc con chung giữa chị K và anh Q là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện sinh sống và học tập của cháu B nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Triệu Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị K, do anh Q không yêu cầu.

Án phí: Anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Chấp nhận đơn kháng cáo anh Triệu Sinh Q. Công nhận sự thỏa thuận của anh Triệu Sinh Q và chị Bàn Thanh K về việc nuôi con chung.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ -ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thanh K ly hôn với anh Triệu Sinh Q. Chị Bàn Thanh K được ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Đức B, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Triệu Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bàn Thanh K có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn đóng góp cấp dưỡng nuôi con đối với chị K, do anh Q không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Thanh K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0007560, ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Triệu Sinh Q không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0007674 ngày 16/6/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

